

## DỊCH ẨN DỤ TRONG VĂN HỌC: PHÂN TÍCH HAI BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT TIỂU THUYẾT *THE STRANGE CASE OF DR. JEKYLL AND MR. HYDE*

PHẠM THÁI BẢO NGỌC<sup>1</sup>  
NGUYỄN HOÀNG TRUNG<sup>2</sup>

**Abstract:** Translating metaphors presents a significant challenge, even for professional translators. Despite numerous studies on metaphor translation, the evaluation of metaphor translations in literature remains limited in Vietnam. This article applies the cognitive typology of metaphor translation and the Three-Dimensional Model of Metaphor to analyze the meanings of metaphors in context, classify translation procedures, and examine losses or mismatches found in two Vietnamese translations of *The Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde*. The findings show that changing the conceptual metaphor during translation often causes the most significant problems, including meaning loss, reduced nuance of the metaphor and failure to convey its function within the context. The issues identified in both translations are diverse, with mistranslation and loss of coherence being the most common. Consequently, this article proposes a comprehensive approach based on the three dimensions of metaphor to enhance translation quality, emphasizing the importance of thoroughly understanding the function of metaphors in context.

**Keywords:** *metaphor, conceptual metaphor, loss of meaning/mismatch, metaphor translation procedures*

### 1. Giới thiệu

Ẩn dụ (AD) được xem là “bài kiểm tra năng lực thật sự” đối với người dịch và là thách thức lớn ngay cả với các dịch giả giàu kinh nghiệm [8, tr.77]. Newmark cũng khẳng định dịch AD là “vấn đề quan trọng hàng đầu trong dịch thuật” vì AD gắn liền với văn hoá và tư duy của cộng đồng ngôn ngữ đích [18, tr.104]. Nghiên cứu về dịch AD chủ yếu xoay quanh hai vấn đề chính: tính khả dịch và phương pháp dịch AD. Tuy đã có nhiều nghiên cứu về dịch AD ([11], [16], [18], [21], [27]), nhưng các kết quả nghiên cứu chưa hoàn toàn phù hợp với dịch AD trong văn chương, vốn phụ thuộc nhiều vào văn cảnh.

Trong bối cảnh nghiên cứu dịch thuật hiện nay, các lí thuyết liên quan đến ngôn ngữ học tri nhận - đặc biệt là lí thuyết ẩn dụ ý niệm (ADYN) - ngày càng được áp dụng rộng rãi nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp trong việc chuyển tải nghĩa giữa các ngôn ngữ [5], [20], [26], [29]. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân loại các tiến trình dịch AD trong một tác phẩm văn học cụ thể dựa trên những đề xuất của Schmidt [21] dưới góc nhìn của tri nhận luận và nhận xét các bản dịch AD dựa trên mô hình ba chiều kích của Steen [22], [24]. Khung lí thuyết này giúp xác định những vấn đề thường xảy ra khi dịch AD trong văn chương cũng như những tiến trình dịch dễ gây hao tổn, từ đó đề xuất cách dịch phù hợp nhằm cải thiện chất lượng bản dịch dựa trên cả ba chiều kích của AD (ngôn ngữ, tư duy và giao tiếp).

Tiểu thuyết Anh *The Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde* (SCJH) và hai bản dịch tiếng Việt được chọn để phân tích vì tính đa dạng và phức tạp của các AD trong tác phẩm. Được Robert Louis Stevenson sáng tác năm 1886, tác phẩm này tập trung vào các chủ đề như tính hai mặt của nhân cách, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, mặt trái của các quy chuẩn đạo đức thời Victoria và những rủi ro ẩn sau sự phát triển vượt bậc của khoa học [13]. Các nhân vật chính gồm Jekyll - người bác sĩ mẫu mực và Hyde - kẻ sát nhân tàn bạo và cũng là bản ngã khác của Jekyll. Sự đấu tranh giữa hai bản thể đối lập này được thể hiện qua văn phong giàu tính AD, cung cấp nguồn ngữ liệu phong phú cho nghiên cứu.

Cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa tìm thấy công trình nào ở Việt Nam kết hợp lí thuyết ADYN với mô hình ba chiều kích để phân tích các hao tổn khi dịch AD, đặc biệt trong văn học. Nguyễn Thị Như Ngọc [1] và Nguyễn Việt Khoa [2] tuy có bàn luận về các tiến trình dịch AD trong diễn ngôn chính trị và thành ngữ theo cách tiếp cận của ngôn ngữ học tri nhận, nhưng chưa nghiên cứu về các

<sup>1,2</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

vấn đề có thể xảy ra đối với từng tiến trình dịch AD cũng như chưa vận dụng mô hình ba chiều kích để đánh giá bản dịch. Nghiên cứu này vì vậy hướng đến việc thu hẹp khoảng trống đó bằng cách tìm câu trả lời cho những câu hỏi nghiên cứu sau:

- (1) Những vấn đề về hao tổn và bất tương thích nào thường xuất hiện khi dịch AD trong các bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết SCJH?
- (2) Những tiến trình dịch nào có khả năng cao nhất gây ra các vấn đề về hao tổn và bất tương thích khi dịch AD trong tác phẩm này?
- (3) Việc lựa chọn tiến trình dịch AD ảnh hưởng như thế nào đến khả năng bảo toàn ý niệm và chức năng giao tiếp của AD trong các bản dịch so với nguyên tác?

## 2. Tổng quan và cơ sở lý luận

### 2.1. Lý thuyết ẩn dụ ý niệm

Một trong những công trình tiên phong và cũng là tác phẩm kinh điển của ngôn ngữ học tri nhận là *Metaphors We Live By* (*Chúng ta sống nhờ vào ẩn dụ*) của George Lakoff và Mark Johnson, xuất bản lần đầu năm 1980. Công trình này đã thách thức quan điểm truyền thống về AD thông qua lý thuyết ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor Theory), khẳng định rằng AD là một phần không thể thiếu trong hệ thống ý niệm và chức năng chính của AD là giúp con người hiểu các khái niệm trừu tượng, thay vì chỉ phục vụ mục đích nghệ thuật hay thẩm mỹ [10], [15].

Trọng tâm của lý thuyết này là ADYN, được định nghĩa là “sự ánh xạ giữa các miền trong hệ thống ý niệm” [14, tr.203], giúp “hiểu một miền kinh nghiệm (thường trừu tượng) thông qua một miền khác (thường cụ thể hơn)” [12, tr.1]. Sự ánh xạ này mang tính cục bộ, đơn hướng, được cấu trúc chặt chẽ, với các yếu tố từ miền nguồn được phóng chiếu sang các yếu tố tương ứng ở miền đích [10]. Cấu trúc của ADYN là MIỀN ĐÍCH LÀ MIỀN NGUỒN và một ADYN có thể được biểu hiện qua nhiều ẩn dụ ngôn ngữ (adnn).

### 2.2. Mô hình ba chiều kích của ẩn dụ

Theo Steen [22], mỗi AD đều có những thuộc tính về ngôn ngữ, ý niệm và giao tiếp, từ đó Steen đề xuất mô hình ba chiều kích của AD (Three-Dimensional Model of Metaphor), bao gồm (1) AD trong ngôn ngữ, (2) AD trong tư duy và (3) AD trong giao tiếp. Cách tiếp cận này bắt nguồn từ định nghĩa về AD như hệ thống ánh xạ xuyên miền (AD trong tư duy); AD này có thể được diễn đạt thành những hình thức và kết cấu ngôn ngữ đa dạng (AD trong ngôn ngữ). Có thể thấy mô hình này kế thừa những luận điểm quan trọng của lý thuyết ADYN, nhưng có bổ sung một chiều kích mới thiên về hướng phân tích diễn ngôn: khả năng người sử dụng ngôn ngữ khai thác cơ chế ý niệm để phục vụ cho mục đích giao tiếp (AD trong giao tiếp).

Trong mô hình này, chiều kích giao tiếp xoay quanh việc AD có được sử dụng một cách có chủ ý như công cụ giao tiếp trong những chu cảnh cụ thể hay không [24]. AD có thể được sử dụng để thực hiện chức năng liên nhân như thể hiện thái độ, khen ngợi, phê bình, tạo sự hài hước, gắn kết với tập thể khi người viết/người nói cố tình lựa chọn những miền nguồn thường được sử dụng riêng trong tập thể đó hay chỉ có tập thể đó mới hiểu để nói về miền đích [22]. Cameron [7] gọi đây là chức năng cảm xúc (affective) hay liên nhân (interpersonal) của AD, còn Newmark [18] xem đây là mục đích ngữ dụng của AD.

Tóm lại, mỗi chiều kích trong mô hình của Steen đều có vai trò quan trọng và cần được liên kết với nhau để giúp người nghiên cứu có cái nhìn toàn diện hơn về AD.

### 2.3. Các thủ pháp dịch ẩn dụ theo tri nhận luận

Khoảng từ những năm 1980 trở đi, các nhà ngôn ngữ học tri nhận cho rằng việc dịch AD không đơn giản chỉ là sự chuyển mã về ngôn ngữ, mà đó chính là sự truyền tải về ý niệm từ văn hoá nguồn sang văn hoá đích [17]. Mandelblit [16] là người đầu tiên đã trình bày “giả thiết về dịch theo tri nhận luận” (Cognitive Translation Hypothesis), cụ thể là: Hai nền văn hoá ý niệm hoá sự vật / sự việc càng giống nhau thì việc dịch AD giữa hai ngôn ngữ thuộc hai nền văn hoá này càng diễn ra thuận lợi và nhanh chóng.

Dựa trên những đúc kết của Toury [27] và Kövecses [11], Schmidt [21] đã rút ra những tiến trình dịch AD xét cả trên bình diện ý niệm và ngôn ngữ, sau khi phân tích kho ngữ liệu từ bản dịch các tác phẩm văn học và phụ đề phim. Những tiến trình này bao gồm:

## (1) ADYN → ADYN

1a) *adnn* → *adnn*: Biểu thức AD ở văn bản nguồn được dịch ra bằng biểu thức AD tương tự ở văn bản đích; cả hai thuộc cùng một ADYN với cùng ý nghĩa.

1b) *adnn* → *adnn*': Biểu thức AD ở văn bản nguồn khác với biểu thức AD được dịch ở văn bản đích, nhưng cả hai đều thuộc cùng một ADYN với cùng ý nghĩa.

## (2) ADYN → ADYNI

*adnn* → *adnnl*: Biểu thức AD ở văn bản nguồn được dịch ra bằng biểu thức AD ở văn bản đích thuộc ADYN khác, hệ thống ánh xạ cũng khác, nhưng có cùng ý nghĩa.

(3) *adnn* → *phi - adnn*: Biểu thức AD ở văn bản nguồn được dịch ra bằng biểu thức phi AD ở văn bản đích với cùng ý nghĩa (còn được gọi là diễn giải).

(4) *adnn* →  $\emptyset$ : Biểu thức AD ở văn bản nguồn được dịch bằng cách loại bỏ hoàn toàn AD ở văn bản đích.

(5) *phi - adnn* → *adnn*: Biểu thức phi AD ở văn bản nguồn được dịch bằng biểu thức AD ở văn bản đích với cùng ý nghĩa.

(6)  $\emptyset$  → *adnn*: Biểu thức AD ở văn bản đích được sáng tạo hoàn toàn, không liên kết được với bất kì yếu tố nào trong văn bản nguồn.

Vì bài nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích bản dịch các AD về đạo đức trong tiểu thuyết SCJH, bắt đầu từ việc xác định AD trong bản gốc tiếng Anh rồi sau đó đối chiếu với hai bản dịch tiếng Việt, nên 05 phương thức dịch AD đầu tiên của Schmidt [21] được lựa chọn để phân loại các bản dịch AD này theo cách dịch.

#### 2.4. Dịch ẩn dụ trong văn học

Đối với các AD độc đáo (novel/original metaphor) trong văn chương, hay các AD mang dấu ấn cá nhân của tác giả, Reiss [19] cho rằng chúng nên được dịch sát nguyên văn để bảo toàn dụng ý của tác giả cũng như tính sáng tạo và tính nghệ thuật của AD. Newmark [18] cũng coi việc dịch sát nguyên văn là nguyên tắc cần thiết, bởi những AD này truyền tải thông điệp, thể hiện cá tính và quan điểm sống của tác giả, đồng thời góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ đích, bằng cách đưa vào những hình ảnh mới mẻ và cách diễn đạt sáng tạo, từ đó mở rộng khả năng biểu đạt của ngôn ngữ đích. Chỉ trong những trường hợp việc dịch sát này trở nên quá gượng ép và khó hiểu đối với người đọc thì người dịch mới cần chọn cách diễn đạt tương đương trong ngôn ngữ đích [19].

Ngoài các AD mới lạ trong diễn ngôn văn chương, đặc biệt trong tiểu thuyết, tồn tại phổ biến một số lượng lớn các AD thường quy (conventional/ordinary metaphor). AD thường quy vốn đã mất đi tính chất hình tượng và được sử dụng trong giao tiếp như những cách diễn đạt thông thường đến mức người sử dụng không còn nhận ra chúng là AD, vì vậy việc cố gắng dịch chúng thành một AD tương đương trong ngôn ngữ đích có thể là không cần thiết, đặc biệt nếu ngôn ngữ đích không có một AD thường quy tương tự [24].

Tóm lại, bài viết này vận dụng lí thuyết ADYN và mô hình ba chiều kích để làm cơ sở lí thuyết cho việc phân tích AD trong tác phẩm, sau đó kết hợp với cách phân loại tiến trình dịch AD của Schmidt [21] để khảo sát các tiến trình dịch trong hai bản dịch tiếng Việt và nhận xét về các hao tổn hay bất tương thích trong dịch thuật. Các quan điểm trước về dịch AD trong văn học, cùng với kết quả nghiên cứu của công trình này, tạo nền tảng cho việc xây dựng quy trình dịch AD trong văn chương, góp phần cải thiện chất lượng bản dịch.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích đối chiếu một chiều, bắt đầu bằng việc mô tả và phân tích các AD tiếng Anh, sau đó đối chiếu với các tương đương dịch trong hai bản dịch tiếng Việt. Ngữ liệu tiếng Anh được trích từ tiểu thuyết SCJH, in trong tuyển tập *The Strange Case of Dr Jekyll and Mr Hyde and Other Tales of Terror* của Robert Louis Stevenson, do Penguin Classics xuất bản năm 2002. Tác phẩm này có hai bản dịch tiếng Việt: bản dịch (a) do Phạm Văn dịch, với nhan đề tiếng Việt là *Bác sĩ Jekyll & ông Hyde*, xuất bản năm 2014 bởi NXB Hội Nhà văn; bản dịch (b) do Hoàng My dịch, với tựa Việt là *Vụ việc dị thường về Bác sĩ Jekyll và ông Hyde*, xuất bản năm 2021 bởi NXB Kim Đồng.

Để xác định các ADNN trong văn bản nguồn, chúng tôi áp dụng sáu bước theo quy trình MIPVU [25, tr.25-42]. Việc xác định ADYN từ các ADNN được thực hiện theo năm bước của Steen [23, tr. 94]. Sau đó, các AD được đối chiếu với bản dịch tiếng Việt để xác định tiến trình dịch, dựa trên phân loại của Schmidt [21]. Việc phân loại các tiến trình này phản ánh hai chiều kích của AD: ngôn ngữ và ý niệm. Riêng chiều kích giao tiếp trong Mô hình ba chiều kích của Steen ([22], [24]) được đánh giá thông qua việc phân tích chức năng của AD trong việc truyền đạt cảm xúc, thái độ, hoặc thông điệp của người viết đến người đọc trong từng ngữ cảnh cụ thể.

Dựa trên các lí thuyết về AD và dịch AD trong văn học, chúng tôi xác định rằng một tương đương dịch thoả đáng của AD cần đáp ứng ba tiêu chí: (1) phản ánh đúng nghĩa cốt lõi của AD trong văn bản nguồn, (2) thực hiện đúng chức năng giao tiếp của AD như trong văn bản nguồn và (3) không vi phạm ngữ pháp hay phong cách hành văn của ngôn ngữ đích. Những tương đương dịch không đạt một hoặc nhiều tiêu chí trên được xem là có vấn đề về hao tổn hoặc bất tương thích trong dịch thuật.

Tóm lại, việc vận dụng các quy trình nhận diện ADNN và xác định ADYN, phân loại tiến trình dịch theo Schmidt [21] và nhận xét bản dịch theo Mô hình ba chiều kích của Steen ([22], [24]) giúp đảm bảo độ tin cậy và chiều sâu học thuật cho quá trình phân tích và đánh giá chất lượng bản dịch AD trong bài viết này.

#### 4. Kết quả và thảo luận

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung vào các AD liên quan đến đạo đức và các tương đương dịch của chúng, vì đây là nhóm AD xuất hiện với tần suất cao và có mối liên hệ chặt chẽ với chủ đề của tác phẩm.

##### 4.1. Kết quả khái quát về tiến trình dịch ẩn dụ và chất lượng bản dịch

SCJH có tổng cộng 56 ADNN liên quan đến đạo đức và tổng số tương đương dịch tương ứng là 112, được thu thập từ hai bản dịch tiếng Việt. Bảng 1 cung cấp thông tin khái quát về các tiến trình dịch giả đã sử dụng để dịch AD và kết quả đánh giá tương ứng với từng tiến trình.

Bảng 1. Tiến trình dịch ẩn dụ và chất lượng tương đương dịch

	Tiến trình dịch AD		Chất lượng tương đương dịch			
			Bản dịch hợp lí		Bản dịch có vấn đề	
			Tần suất	%	Tần suất	%
1.	ADYN → ADYN	ADNN trong văn bản nguồn và văn bản đích thuộc cùng ADYN				
1a.	adnn → adnn	ADNN trong văn bản nguồn và văn bản đích là những diễn đạt tương đương với nhau thuộc cùng một ảnh xạ.	73	90,1	0	0
1b.	adnn → adnn+	tương tự với trường hợp 1a, nhưng thêm thông tin cho tương đương dịch.	0	0	1	3,2
1c.	adnn → adnn-	tương tự với trường hợp 1a, nhưng bớt thông tin cho tương đương dịch.	0	0	1	3,2
1d.	adnn → adnn'	ADNN trong văn bản đích được diễn đạt khác với ADNN trong văn bản nguồn.	3	3,7	3	9,7
2.	ADYN → ADYN1	ADNN trong văn bản nguồn và văn bản đích thuộc hai ADYN khác nhau				
	adnn → adnn1	ADNN trong văn bản đích và văn bản nguồn chứa lượng thông tin tương đương nhau.	3	3,7	18	58,1
3.	ADYN → phi - ADYN	ADYN được chuyển dịch thành cách suy nghĩ thông thường không dựa trên AD				
	adnn → phi - adnn	biểu thức AD trong văn bản nguồn được diễn giải theo cách không dùng AD trong văn bản đích.	2	2,5	8	25,8
<b>Tổng cộng</b>			<b>81</b>	<b>100</b>	<b>31</b>	<b>100</b>

Như được trình bày trong Bảng 1, số lượng các tương đương dịch có vấn đề về hao tổn hay bất tương thích trong cả hai bản dịch là 31, chiếm hơn ¼ tổng số tương đương dịch. Đây là con số đáng kể, nhất là khi hai bản dịch được thực hiện bởi các dịch giả chuyên nghiệp từ các nhà xuất bản uy tín. Điều này củng cố quan điểm của Dagut [8] rằng AD là thách thức lớn ngay cả với dịch giả có kinh nghiệm. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các trường hợp giữ nguyên ADYN khi dịch AD (ADYN → ADYN) mang lại kết quả khả quan nhất, với rất ít vấn đề phát sinh (chỉ có 5 vấn đề trong tổng số 81 tương đương dịch giữ nguyên ADYN so với bản gốc). Trong nhóm này, nổi bật là tiến trình ADYN → ADYN, adnn → adnn với độ phổ biến cao nhất và độ chính xác của các bản dịch cũng ở mức cao nhất. Xu hướng duy trì cả ADYN và ADNN trong bản dịch có thể bắt nguồn từ thực tế rằng ngữ liệu của chúng tôi phần lớn thuộc các ADYN về đạo đức như ĐẠO ĐỨC LÀ SỰ THANH KHIẾT, ĐẠO ĐỨC LÀ ÁNH SÁNG và ĐẠO ĐỨC LÀ SỨC MẠNH vốn tồn tại phổ biến cả trong tiếng Anh và tiếng Việt, tạo điều kiện cho người dịch duy trì tối đa nội dung của AD cả trên bình diện tư duy và ngôn ngữ.

Trong khi đó, tiến trình ADYN → ADYN1, adnn → adnn1 và ADYN → phi-ADYN, adnn → phi-adnn tiềm ẩn nhiều vấn đề nhất, lần lượt chiếm hơn ½ và ¼ tổng số tương đương dịch có sự hao tổn hay các vấn đề về bất tương thích. Việc loại bỏ hoàn toàn AD và nội dung được truyền tải qua AD (ADYN → Ø, adnn → Ø) không xảy ra đối với hai bản dịch của tác phẩm; điều này thể hiện nỗ lực của các dịch giả khi cố gắng truyền tải nội dung của AD trong văn bản đích. Ngoài ra, các tiến trình giữ nguyên ADYN trong bản dịch cũng có khả năng bị hao tổn khi người dịch lựa chọn thêm hay bớt thông tin so với bản gốc, hay thay đổi cách biểu đạt AD ở ngôn ngữ đích (ADYN → ADYN, adnn → adnn+/adnn-/adnn'). Vì vậy, việc giữ nguyên ADYN trong bản dịch so với bản gốc không đảm bảo bản dịch không có vấn đề.

Trong bài viết này, chúng tôi phân loại các vấn đề liên quan đến hao tổn/bất tương thích khi dịch AD thành hai nhóm: (1) Nhóm dễ nhận biết bao gồm những vấn đề có thể nhận ra ngay lập tức khi so sánh văn bản nguồn với văn bản đích mà không cần phân tích sâu và (2) nhóm khó nhận biết bao gồm những vấn đề tiềm ẩn, khó phát hiện ngay lập tức mặc dù bản dịch có thể không có bất kì sai sót nào về mặt ngữ pháp, cách dùng từ, hay cách diễn đạt ở ngôn ngữ đích. Bảng 2 trình bày tóm tắt những vấn đề có thể xảy ra đối với từng tiến trình dịch AD trong văn chương.

Bảng 2. Các vấn đề có thể xảy ra đối với từng tiến trình dịch ẩn dụ

Nhóm	Vấn đề	Tiến trình dịch	Tần suất	
			Bản dịch (a)	Bản dịch (b)
<b>Dễ nhận biết</b>	Dịch thừa	ADYN → ADYN, adnn → adnn+	0	1
	Dịch thiếu	ADYN → ADYN, adnn → adnn-	0	1
	Thay đổi nghĩa cốt lõi của AD	ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	3	3
		ADYN → phi-ADYN, adnn → phi-adnn	4	2
Vi phạm chuẩn mực ngôn ngữ đích	ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	1	1	
<b>Khó nhận biết</b>	Giảm tính hình tượng / sinh động của AD	ADYN → ADYN, adnn → adnn-	0	1
		ADYN → ADYN, adnn → adnn'	0	1
		ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	1	0
		ADYN → phi-ADYN, adnn → phi-adnn	0	1
	Làm mất đặc trưng văn hoá của ngôn ngữ nguồn thể hiện qua AD	ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	0	2
		ADYN → ADYN, adnn → adnn'	2	0
	Không phù hợp với văn cảnh	ADYN → ADYN, adnn → adnn'	2	0
		ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	0	1
	Thay đổi trọng tâm của AD	ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	1	1
	Giảm tính châm biếm	ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	0	2
	Giảm tính nhất quán về hình tượng nhân vật	ADYN → ADYN, adnn → adnn'	2	0
		ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	0	1
	Giảm tính liên kết và mạch lạc	ADYN → ADYN, adnn → adnn'	0	1
		ADYN → ADYN1, adnn → adnn1	2	1
ADYN → phi-ADYN, adnn → phi-adnn		2	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>20</b>

Có thể thấy cả hai bản dịch của tác phẩm đều có số lượng vấn đề ngang bằng nhau (20 trường hợp mỗi bản dịch). Các vấn đề này được chia thành hai nhóm: nhóm dễ nhận biết (16 trường hợp) và nhóm khó nhận biết (24 trường hợp). Ở nhóm dễ nhận biết, phần lớn các vấn đề xuất phát từ việc thay đổi nghĩa cốt lõi của AD (12 trường hợp), dẫn đến sự sai lệch về nghĩa so với nguyên tác. Nhóm khó nhận biết có nhiều và đa dạng các vấn đề hơn, trong đó, nổi bật là việc tương đương dịch làm giảm tính liên kết với các AD khác, ảnh hưởng đến tính mạch lạc về chủ đề của tác phẩm (6 trường hợp). Điều này thường xảy ra khi các dịch giả có khuynh hướng dịch các AD một cách riêng lẻ và cục bộ hơn là duy trì sự liên kết ở cấp độ tổng thể (giữa các AD với nhau trong toàn văn bản).

Bảng 2 cũng cho thấy tiến trình **ADYN → ADYN1, adnn → adnn1** tiềm ẩn nhiều loại vấn đề nhất so với các tiến trình khác. Ngoại trừ các lỗi liên quan đến dịch thừa và dịch thiếu, tiến trình này có khả năng dẫn đến hầu hết các vấn đề khác, nổi bật là việc thay đổi nghĩa cốt lõi của AD. Như vậy, việc thay đổi ADYN trong bản dịch có khả năng cao nhất dẫn đến sự sai lệch về nghĩa của AD so với nguyên tác. Điều này cho thấy tính phức tạp của tiến trình này, đòi hỏi người dịch phải cân bằng giữa việc giữ nguyên ý nghĩa gốc và việc chuyển tải phù hợp sang văn bản đích.

Nhìn chung, người dịch nên ưu tiên giữ nguyên ADYN và cách diễn đạt ngôn ngữ tương đồng nếu có thể. Các quyết định thay đổi phải dựa trên việc phân tích cẩn thận cả về chu cảnh chứa AD, các yếu tố văn hoá và mục đích của tác giả khi dùng AD để đảm bảo tìm được tương đương dịch phù hợp nhất.

#### 4.2. Phân tích và thảo luận về một số lỗi dịch ẩn dụ đối với từng phương pháp dịch

Phần này tập trung phân tích các trường hợp tiêu biểu trong các bản dịch gặp vấn đề, nhằm minh hoạ cho những loại hao tổn hoặc bất tương thích đã được đề cập ở phần trước. Mức độ nghiêm trọng của vấn đề bất tương thích trong dịch thuật phần nào tùy thuộc vào phương pháp người dịch lựa chọn:

Ví dụ 1: *He [...] gave me one look, so ugly that it brought out the sweat on me like running.* (tr.7)

- Bản dịch (a): *Hắn [...] nhìn tôi với vẻ thù địch đến nỗi làm tôi toát mồ hôi như đang chạy.* (tr.15)

- Bản dịch (b): *Gã [...] ném cho tôi một ánh nhìn xấu xí kinh tởm đến nỗi khiến mồ hôi tôi túa ra như tắm.* (tr.9)

Trong câu gốc, từ “ugly” (xấu xí) không chỉ mô tả cái nhìn mang đầy vẻ khó chịu và đáng sợ của nhân vật Hyde sau khi hành hung một đứa trẻ, mà còn ám chỉ bản chất vô đạo đức của Hyde thông qua ADYN: **VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ XẤU**. Sự xấu xí không chỉ về ngoại hình mà còn toát ra qua mọi phương diện từ ánh mắt cho đến cử chỉ của Hyde được mô tả nhất quán qua nhiều tình tiết trong tác phẩm, thể hiện sự suy đồi đạo đức bên trong con người hắn. Đây là một trong những thủ pháp xây dựng hình tượng nhân vật quen thuộc trong văn học Anh, đặc biệt vào thời Victoria. Trong bản dịch (a), từ “thù địch” được sử dụng thay cho “xấu xí” trong nguyên tác (ADYN → phi - ADYN, adnn → phi - adnn), dẫn đến sự thay đổi về nghĩa sở thị, mất đi tính đa nghĩa của AD trong câu gốc và làm ảnh hưởng đến sự liên kết giữa chi tiết này với các mô tả khác về nhân vật Hyde trong toàn câu chuyện. Trong khi đó, bản dịch (b) giữ lại được ý nghĩa AD, chia sẻ cùng một ADYN và cách diễn đạt với VBN, nhưng có thêm vào thành tố “kinh tởm”, vốn không có trong câu gốc (ADYN → ADYN, adnn → adnn+). Mặc dù việc dịch thừa này không làm thay đổi nội dung chính của AD, nhưng có thể làm tăng thêm tính tiêu cực khi đánh giá về bản chất của Hyde. Nhìn chung, việc thay đổi nghĩa cốt lõi của AD như trong bản dịch (a) có thể gây ra sự sai lệch về nội dung và làm giảm đi sự nhất quán trong việc xây dựng hình tượng nhân vật, còn các vấn đề như dịch thừa, khi không làm thay đổi nội hàm của AD trong văn bản nguồn, thường ít nghiêm trọng hơn, tuy vẫn có thể ảnh hưởng đến sắc thái nghĩa của AD.

Trường hợp thay đổi ADYN trong bản dịch thường gây ra nhiều vấn đề nhất trong hai bản dịch của *SCJH*, như trong ví dụ sau:

Ví dụ 2: *It wasn't like a man; it was like some damned Juggernaut.* (tr.7)

- Bản dịch (a): *Gã ấy không giống con người, mà như tên khổng lồ gồm ghiếc nghiền nát mọi thứ trên đường đi của hắn.* (tr.15)

- Bản dịch (b): *Gã không ra dáng một người đàn ông gì cả, y như một cỗ máy nghiền máu lạnh.* (tr.9)

Thuật ngữ “Juggernaut” bắt nguồn từ lễ hội Rath Yatra của đạo Hindu. Trong lễ hội này, một cỗ xe khổng lồ chở hình ảnh thần Vishnu (Jagannath) diễu hành qua các con phố Ấn Độ. Vào đầu thế kỉ

XIV, nhà truyền giáo Friar Odoric đã mang câu chuyện này về châu Âu, kể rằng một só tén đồ đã tự lao vào dưới bánh xe để hiến tế. Từ đó, “juggernaut” trở nên phổ biến ở Anh để chỉ các thực thể khổng lồ, có sức mạnh hủy diệt, nghiền nát mọi thứ trên đường đi [28]. Đây là AD văn hoá. Vì người Việt không có ý niệm về cỗ xe này như người Anh, nên các dịch giả chọn cách diễn giải dài hơn để trình bày AD này.

Trong tiểu thuyết, Hyde suýt giết một đứa trẻ vì vô tình chắn lối và sau đó đánh chết một ông lão vì ông cản đường hắn để hỏi thăm. Trong bản dịch (a), người dịch thể hiện được tính hủy diệt và tàn bạo của Hyde qua hình ảnh *tên khổng lồ góm ghiếc nghiền nát mọi thứ trên đường đi của hắn* qua tiến trình ADYN → ADYN, adnn → adnn'. Tuy bản dịch có cùng ý niệm về sự hủy diệt (cùng ADYN: NGƯỜI VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ NGUỒN LỰC HỦY DIỆT), nhưng sự chi tiết hoá nguồn lực thành “tên khổng lồ” đã tình cờ làm ảnh hưởng đến sự thống nhất trong việc xây dựng hình tượng nhân vật vì Hyde được mô tả là có dáng người nhỏ (“small” tr.14, 22) và lùn tịt (“dwarfish”, tr.16), đối lập với Jekyll to lớn và tráng kiện (“large, well-made”, tr.19). AD “Juggernaut” được sử dụng ở đây chủ yếu để nhấn mạnh sức tàn phá, không thể ngăn cản, hơn là kích thước khổng lồ của vật thể hay sinh vật chứa sức mạnh này, vì vậy việc cụ thể hoá “Juggernaut” thành “tên khổng lồ” là không cần thiết, thậm chí còn làm sai lệch hình tượng nhân vật. Khác với bản dịch (a), bản dịch (b) với các ADYN: NGƯỜI VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ CỖ MÁY và VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ LẠNH không truyền tải được ý nghĩa về nguồn lực to lớn đến mức không thể ngăn cản được, mà chỉ thể hiện Hyde như cỗ máy nghiền vô cảm (ADYN → ADYN1, adnn → adnn1). Để khắc phục các vấn đề này, người dịch cần diễn tả được hình tượng Hyde như nguồn lực vô nhân tính, có tính hủy diệt cao, tránh chú trọng vào kích thước. Câu văn này có thể được dịch như sau: “Gã không giống con người, mà như một cỗ xe đáng nguyền rủa nghiền nát mọi thứ trên đường đi”.

Sự vô đạo đức của Hyde còn được thể hiện qua hàng loạt các AD và tỉ dụ so sánh Hyde với động vật bậc thấp hơn con người, đa phần là loài vượn:

Ví dụ 3: *If some time shall have elapsed after I have laid it by, his wonderful selfishness and circumscription to the moment will probably save it once again from the action of his apelike spite.* (tr.140)

- Bản dịch (a): *Nếu tôi đã cất thư đi được một lúc lâu thì tình ích kỉ lạ lùng của gã và tình huống thúc bách chắc sẽ có thể ngăn cản hành động hận thù hèn hạ của gã xé tan nó một lần nữa.* (tr.159)

- Bản dịch (b): *Nếu tôi kịp viết xong và giấu đi thì có thể bức thư sẽ một lần nữa được an toàn khỏi hành động căm phẫn đầy thú tính.* (tr.104)

Sự kết hợp giữa “apelike” (tạm dịch: “giống vượn”) và “spite” (nghĩa là “hành động phát sinh từ, hoặc thể hiện, cảm xúc thù địch hoặc ác ý” theo *Oxford English Dictionary*) trong câu (3) cho thấy hành động của Hyde xuất phát từ bản năng loài vật, có tính chất tàn bạo và thiếu kiểm soát. Thông qua ADYN: VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ THÚ TÍNH, Hyde được khắc hoạ như hiện thân của cái ác nguyên thủy, thiếu tính nhân bản. Hình tượng loài vượn (“ape”, tr.37, 138, 140) và những mô tả có liên quan như bàn tay lông lá (tr.121, 131) được lặp lại nhiều lần trong tác phẩm, chưa kể những trường hợp miêu tả Hyde như ác thú (tr.15, 44, 64,...). SCJH được viết vào cuối thế kỉ XIX, khi thuyết tiến hoá của Darwin làm cho nhiều người châu Âu lo ngại rằng con người có thể tiến hoá thì cũng có thể thoái hoá. Hyde, với hình tượng loài vượn, chính là hiện thân của nỗi lo này: Thay vì tiến hoá văn minh hơn, con người có thể bị kéo lùi trở lại trạng thái man rợ của thời kì nguyên thủy [6, tr.233].

Trong bản dịch (a), “apelike” được dịch là “hèn hạ”<sup>3</sup> thông qua tiến trình ADYN → ADYN1, adnn → adnn1, với ADYN1 là VÔ ĐẠO ĐỨC LÀ HUỐNG XUỐNG. Tuy cả “apelike” và “hèn hạ” đều có thể hiểu là vô đạo đức, nhưng “hèn hạ” không thể hiện được thú tính như ở câu gốc. Bản dịch (b) “đầy thú tính” (ADYN → ADYN, adnn → adnn') tốt hơn bản dịch (a) “hèn hạ” vì thể hiện được phần nào ý đồ của tác giả khi sử dụng tỉ dụ “apelike” và duy trì được sự kết nối với các AD khác trong tác phẩm. Tuy nhiên, “đầy thú tính” vẫn có tính khái quát hơn so với “apelike” và có thể chưa gọi lên ý tưởng về sự “tiến hoá ngược” như trong nguyên tác. Vì vậy, để giúp người đọc hiểu hơn về hoàn

<sup>3</sup> “hèn hạ” nghĩa là “tỏ ra thấp kém về bản lĩnh và nhân cách đến mức đáng khinh” [4, tr.545], với “hạ” là từ Hán Việt, nghĩa là “dưới”, “xuống” [3, tr.2].

cảnh sáng tác và dụng ý của tác giả khi sử dụng lặp lại hình tượng loài vượn, người dịch có thể sử dụng bản dịch (b) và chú thích thêm về những thông tin bản dịch này chưa thể hiện được.

So với các công trình nghiên cứu trước ([1], [2], [26], [29]), vốn có liên quan đến việc vận dụng ngôn ngữ học tri nhận vào dịch AD, bài viết này cũng tiên hành phân loại các tiến trình dịch AD dựa trên điều kiện ánh xạ tương đồng ( $ADYN \rightarrow ADYN$ ,  $adnn \rightarrow adnn/adnn'$ ), điều kiện ánh xạ không tương đồng ( $ADYN \rightarrow ADYN1$ ,  $adnn \rightarrow adnn1$ ) và cách thức diễn giải ( $adnn \rightarrow phi - adnn$ ). Tuy nhiên, khác với các nghiên cứu trước, bài viết này còn sử dụng Mô hình ba chiều kích của AD để nhận xét và đánh giá chất lượng bản dịch một cách toàn diện hơn, trên cả ba bình diện: ngôn ngữ, ý niệm và giao tiếp.

Trong số các công trình kể trên, Yang [29] là một trong những nghiên cứu hiếm hoi có đề cập đến đánh giá chất lượng bản dịch AD trong tác phẩm văn học, thông qua việc vận dụng khung phân tích sự vận động của diễn ngôn (Discourse Dynamics Framework). Khung phân tích này khai thác các khía cạnh ngôn ngữ, ý niệm, cảm xúc, cũng như các yếu tố lịch sử, văn hoá và xã hội trong quá trình phân tích AD. Mặc dù khung phân tích sự vận động của diễn ngôn có nhiều điểm tương đồng với mô hình ba chiều kích, đặc biệt trong cách tiếp cận đa diện, nhưng khung phân tích này chưa chú trọng đến mục đích giao tiếp của người viết/người nói khi lựa chọn sử dụng AD - một yếu tố quan trọng trong mô hình ba chiều kích. Chính vì vậy, Yang [29] tuy đã khai thác những yếu tố về văn hoá - xã hội trong dịch AD, nhưng vẫn chưa đề cập đến những khía cạnh liên quan đến thông điệp và dụng ý của tác giả khi sử dụng AD, như việc sử dụng lặp lại một ADYN trong tác phẩm để tăng cường tính mạch lạc và nhất quán khi xây dựng nhân vật và phát triển chủ đề tác phẩm - vốn là đặc trưng của văn chương. Đây chính là điểm khác biệt nổi bật và cũng là một trong những đóng góp quan trọng của bài viết này.

Từ kết quả nghiên cứu của công trình này, chúng tôi đúc kết quy trình dịch AD trong văn chương, cụ thể là trong tiêu thuyết, như sau:

*Bảng 3. Quy trình dịch AD trong tiêu thuyết*

Bước 1	<b>Phân tích AD trong văn bản nguồn</b>	<p><b>Xác định loại AD:</b> Phân loại AD theo tính thường quy/phi thường quy để quyết định mức độ bảo toàn AD trong bản dịch.</p> <p><b>Phân tích ba chiều kích của AD:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ: Xác định từ loại và cấu trúc ngữ pháp của AD.</li> <li>- Ý niệm: Phân tích mô hình ý niệm liên quan.</li> <li>- Giao tiếp: Phân tích chức năng của AD cảm xúc / liên nhân) và các dụng ý khác của tác giả khi lựa chọn AD một cách có chủ đích (ví dụ, để nhấn mạnh thông điệp, xây dựng hình tượng nhân vật, tăng tính mạch lạc về chủ đề).</li> </ul> <p><b>Phân tích các yếu tố văn hoá - lịch sử - xã hội:</b> Phân tích các yếu tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn AD trong văn bản nguồn và ý nghĩa của nó.</p>
Bước 2	<b>Lựa chọn tiến trình dịch AD phù hợp</b>	<p><b>Ưu tiên bảo toàn AD nếu có thể:</b> Nếu AD có tính biểu cảm cao, mang dấu ấn phong cách của tác giả hoặc có nét văn hoá đặc thù, người dịch cần ưu tiên giữ nguyên cấu trúc và ý nghĩa của AD trong văn bản đích.</p> <p><b>Điều chỉnh khi cần thiết:</b> Nếu AD không có tương đương trong ngôn ngữ đích và cũng không có vai trò thẩm mỹ / nghệ thuật đặc biệt, dịch giả có thể cân nhắc chuyển nghĩa hoặc diễn giải, miễn là vẫn giữ được ý nghĩa cốt lõi của AD và đảm bảo cách diễn đạt tự nhiên, phù hợp chuẩn mực của ngôn ngữ đích.</p> <p><b>Chú thích (nếu cần):</b> Đối với các AD khó dịch nhưng quan trọng về ý nghĩa hoặc chức năng, dịch giả có thể sử dụng chú thích để làm rõ.</p>
Bước 3	<b>Kiểm tra bản dịch</b>	<p><b>Nội dung cốt lõi:</b> Đảm bảo rằng nghĩa cốt lõi và thông điệp của AD không bị thay đổi hoặc sai lệch trong văn bản đích.</p> <p><b>Chức năng:</b> Đánh giá tương đương dịch trong văn bản đích có giữ được vai trò của AD trong văn bản nguồn (thể hiện cảm xúc, thái độ, tăng tính biểu cảm; duy trì mạch liên kết trong tác phẩm, v.v.) hay không.</p> <p><b>Tính tự nhiên và tính chuẩn mực trong ngôn ngữ đích:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với AD thường quy, người dịch cần đảm bảo bản dịch phù hợp với văn phong của ngôn ngữ đích.</li> <li>- Đối với AD phi thường quy, người dịch có thể chấp nhận sự ngoại lai hoá (foreignization) về hình tượng và văn phong để bảo toàn dấu ấn nghệ thuật và chức năng đặc biệt của AD được tác giả lựa chọn một cách có chủ ý.</li> </ul>

## 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy dịch AD trong văn học là một thách thức lớn, ngay cả với dịch giả chuyên nghiệp. Lỗi dịch không chỉ xảy ra ở AD mới lạ mà cả ở AD thường quy và AD mang đặc trưng văn hoá của ngôn ngữ nguồn. Dịch giả thường gặp khó khăn khi không thể giữ nguyên AD gốc mà phải điều chỉnh cho phù hợp với văn hoá và ngôn ngữ tiếng Việt. So với phương pháp giữ nguyên ADYN (ADYN → ADYN, adnn → adnn/adnn') và phương pháp diễn giải (adnn → phi - adnn), phương pháp thay đổi ADYN (ADYN → ADYN1, adnn → adnn1) dễ phát sinh vấn đề nhất, gây sai lệch nghĩa và giảm tính liên kết với các AD khác, ảnh hưởng đến tính mạch lạc về chủ đề và không thể hiện được dụng ý của tác giả; đây cũng là những vấn đề phổ biến nhất trong hai nhóm vấn đề khi dịch AD trong tác phẩm SCJH.

Nhìn chung, người dịch cần chú trọng đến cả ba chiều kích của AD khi dịch văn học. Ngoài hai chiều kích ngôn ngữ và ý niệm, người dịch cần quan tâm đến chức năng giao tiếp của AD trong các văn cảnh cụ thể. Dù sự tự nhiên và đúng chuẩn ngôn ngữ đích là tiêu chí quan trọng khi đánh giá bản dịch, nhưng dụng ý và thông điệp của tác giả, tính sáng tạo và phong cách sáng tác cũng cần được ưu tiên, vì chúng tạo nên giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Khi phải lựa chọn giữa tính tự nhiên trong văn bản đích và sự trung thành với văn bản nguồn, người dịch nên dựa trên chức năng của AD trong văn bản nguồn để quyết định phương pháp dịch phù hợp. Nếu AD chỉ cung cấp thông tin, người dịch có thể ưu tiên tính tự nhiên trong ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, nếu AD có tính biểu cảm cao hoặc có chức năng đặc biệt, người dịch nên bảo toàn ADYN trong văn bản nguồn, thậm chí giữ nguyên cách diễn đạt, kèm theo chú thích. Điều này không chỉ giữ lại tinh thần của văn bản nguồn mà còn đảm bảo người đọc văn bản đích hiểu được ý tưởng mà tác giả văn bản nguồn muốn truyền tải.

Vì nghiên cứu này chỉ tập trung vào việc phân tích các AD đạo đức trong một tác phẩm văn học Anh và hai bản dịch tiếng Việt, nên các phát hiện chủ yếu phản ánh đặc điểm dịch AD trong một ngữ cảnh cụ thể, với những đặc trưng riêng về thể loại, thời kì văn học và hệ thống AD của tác phẩm. Vì vậy, các kết luận rút ra chưa thể khái quát hoá cho toàn bộ hoạt động dịch AD trong văn học. Để kiểm chứng và mở rộng các kết quả này, các nghiên cứu tiếp theo có thể khảo sát việc dịch AD trong nhiều tác phẩm văn học thuộc các thể loại, thời kì và phong cách khác nhau, cũng như trong các cặp ngôn ngữ khác nhau.

Dù được thực hiện trên quy mô nhỏ, nghiên cứu này hi vọng sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch AD nói riêng và dịch văn học nói chung. Bài viết khuyến nghị dịch giả chú trọng hơn đến chức năng của AD không chỉ trong phạm vi câu mà đặc biệt là phạm vi trên câu nhằm bảo toàn sự kết nối giữa các AD trong tác phẩm, làm nổi bật chủ đề của tác phẩm và truyền tải đúng dụng ý của tác giả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Như Ngọc. *Ẩn dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị Mỹ và việc dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt*. Luận án tiến sĩ. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM. 2015.
2. Nguyễn Việt Khoa. *Nghiên cứu thành ngữ tiếng Anh có thành tố động vật từ bình diện ẩn dụ văn hoá và vấn đề dịch chúng sang tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, 68, 69-85. 2021.
3. Thiều Chửu. *Hán Việt tự điển*. NXB Văn hoá - Thông tin. 2009.
4. Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên). NXB Hồng Đức. 2023.

**Tiếng Anh**

5. Almaghlouth, S., & Alotaibi, L. *HEART metaphors in economic discourse corpora: conceptual evidence and translation insight*. Cogent Arts & Humanities, 11(1). 2024.
6. Arata, S. D. *The sedulous ape: Atavism, professionalism, and Stevenson's "Jekyll and Hyde"*. Criticism, 37(2), 233-259. 1995.
7. Cameron, L. *An applied linguistic approach to metaphor in discourse*. In *Metaphor in educational discourse* (chap. 1, pp. 1-26). Continuum. 2003.
8. Dagut, M. *More about the translatability of metaphor*. Babel, 33(2), 77-83. 1987.
9. House, J. *Translation quality assessment: past and present* (1st ed.). Routledge. 2014.
10. Kövecses, Z. *Metaphor: A practical introduction* (2nd ed.). Oxford University Press. 2010.
11. Kövecses, Z. *Conceptual metaphor theory and the nature of difficulties in metaphor translation*. In D. R. Miller & E. Monti (Eds.). *Tradurre figure/ translating figurative language* (pp. 25-39). CeSLiC. 2014.
12. Kövecses, Z. *Extended Conceptual Metaphor Theory*. Cambridge University Press. 2020.
13. Kreitzer, L., R. L. Stevenson's "Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde" and Romans 7: 14-25: *Images of the moral duality of human nature*. Literature and theology. 6(2), 125-144. 1992.
14. Lakoff, G., *The contemporary theory of metaphor*. In A. Ortony (Ed.). *Metaphor and thought* (2nd ed.) (pp. 202-251). Cambridge University Press. 1993.
15. Lakoff, G., & Johnson, M. *Metaphors we live by*. University of Chicago Press. 1980.
16. Mandelblit, N. *The cognitive view of metaphor and its implications for translation theory*. Translation and Meaning. 3, 483-495. 1995.
17. Massey, G., & Ehrensberger-Dow, M. *Translating conceptual metaphor: The processes of managing interlingual asymmetry*. Research in language. 15(2), 173-189. 2017.
18. Newmark, P. *A textbook for translation*. Prentice Hall. 1988.
19. Reiss, K. *Translation Criticism - Potentials and Limitations: Categories and Criteria for Translation Quality Assessment* (E.F. Rhodes, Trans.; 1st ed.). Routledge. 2000.
20. Schäffner, C. & Chilton, P. *Translation, metaphor and cognition*. In F. Alves & A. L. Jakobsen (Eds.). *The Routledge Handbook of Translation and Cognition* (pp. 326-343). Routledge. 2020.
21. Schmidt, G. *Applying Conceptual metaphor theory in crosslinguistic and translation research*. In B. Belaj (Ed.). *Dimenzije značenja* (pp. 243-265). Filozofski fakultet sveucilista u Zagrebu. 2015.
22. Steen, G. *The paradox of metaphor: Why we need a three-dimensional model of metaphor*. Metaphor and Symbol. 23(4), 213-241. 2008.
23. Steen, G. *From three dimensions to five steps: The value of deliberate metaphor*. Metaphorik.de. 21, 83-110. 2011.
24. Steen, G. *Developing, testing and interpreting deliberate metaphor theory*. Journal of pragmatics. 90(1), 67-72. 2015.
25. Steen, G.J., Dorst, A.G., Herrmann, J.B., Kaal, A.A., Krennmayr, T., & Pasma, T. *A method for linguistic metaphor identification: From MIP to MIPVU*. John Benjamins. 2010.
26. Sun, Y. & Guo, Y. *A cognitive account of metaphor translation in two Chinese versions of The Wind in the Willows*. Language and Semiotic Studies. 4(1), 83-101. 2018.
27. Toury, G. *Descriptive translation studies and beyond*. John Benjamins. 2012.
28. Wilkinson, P. R., *Juggernaut*. In *Thesaurus of traditional English metaphors* (2nd ed.) (pp. 813-814). Routledge. 2002.
29. Yang, J. *Analyzing metaphors in the English translation of the Chinese novel Sandalwood Death from cognitive perspectives: A multi-level model*. Lebende Sprachen. 1-23. 2025.